

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật sấy (22821601)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 39

Số bài thi: 39

Số tờ giấy thi: 44

NH Phúc V. T. Quý Anh Đỗ Quang Huy N. N. N. N.

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121180006	Ngô Minh	Âu	6/11/2003	CCQ2118A	1	Âu	4.7	5,0	4,9
2	2121180021	Võ Cao	Bảo	13/08/2003	CCQ2118A	1	Bao	6.3	5,0	5,5
3	2121150056	Lê An	Cư	26/01/2002	CCQ2118B	1	Cư	5.3	5,0	5,1
4	2121180018	Trần Quý	Đài	9/10/2003	CCQ2118A	1	Đai	5.7	5,0	5,3
5	2121180056	Cao Nhất	Danh	28/06/2003	CCQ2118B	1	Danh	6.7	4,5	5,4
6	2121180083	Phạm Phước	Dự	27/10/2003	CCQ2118C	1	Dự	5.3	4,5	4,8
7	2121180004	Trịnh Văn	Hiền	8/5/2003	CCQ2118A	2	hiền	5.7	5,0	5,3
8	2121180022	Hồ Châu Ngọc	Hiếu	24/01/2003	CCQ2118A	1	Huoc	6.0	5,0	5,4
9	2121180017	Huỳnh Trọng	Hiếu	18/12/2003	CCQ2118A	1	Thư	5.3	5,0	5,1
10	2121180061	Lưu Hoài	Hiếu	20/09/2003	CCQ2118B	1	ho	4.3	5,5	5,0
11	2121180053	Nguyễn Huỳnh Minh	Hiếu	27/01/2003	CCQ2118B	1	Huoc	6.7	5,5	6,0
12	2121180030	Nguyễn Kế	Học	7/5/2003	CCQ2118A	1	Hoc	5.7	5,0	5,3
13	2121180023	Lê Đăng	Huy	28/04/2003	CCQ2118A	1	Huy	5.7	4,5	5,0
14	2121180028	Đào Trọng	Khánh	3/7/2003	CCQ2118A	1	Khánh	7.8	6,5	7,0
15	2121180009	Đặng Trung	Kiên	5/9/2003	CCQ2118A	1	Kien	7.5	4,5	5,7
16	2121180055	Nguyễn Tấn	Kiệt	4/10/2003	CCQ2118B			2.3		
17	2121180026	Tăng Châu Bình	Linh	29/05/2003	CCQ2118A	1	Linh	6.7	5,0	5,7
18	2122180007	Đinh Nguyễn Thành	Long	10/11/2004	CCQ2218A	1	Long	7.2	4,5	5,6
19	2121180042	Lê Công	Luân	6/2/2003	CCQ2118B	1	Long	6.7	5,0	5,7
20	2121180008	Trần Văn	Mạnh	14/01/2003	CCQ2118A	1	Chau	6.7	4,0	5,1
21	2121180049	Hà Thanh	Nam	10/11/2003	CCQ2118B	1	Nam	4.3	5,5	5,0
22	2122180053	Nguyễn Tấn	Nghĩa	18/12/2003	CCQ2218B	1	Nghĩa	4.5	3,0	3,6
23	2122110064	Phan Nguyễn Thành	Nhân	16/11/2003	CCQ2218D			0.0		
24	2121180031	Văn Quyết Công	Nhân	12/4/2002	CCQ2118A	1	Nhân	6.7	4,0	5,1
25	2122180043	Văn Thanh	Nhật	24/01/2004	CCQ2218B	1	Nhật	7.8	6,0	6,7
26	2121180003	Đặng Minh	Nhật	22/05/2002	CCQ2118A	1	Minh	6.7	5,0	5,7
27	2122180003	Nguyễn Minh	Nhật	28/10/2004	CCQ2218A	1	Nhật	7.5	7,8	7,7
28	2121180016	Phan Hoàng	Phúc	30/06/2003	CCQ2118A	1	Phuc	3.7	4,0	3,9

5,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật sấy (22821601)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 39

Số bài thi: 39

Số tờ giấy thi: 41

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2121180002	Nguyễn Thế Quảng	3/3/2003	CCQ2118A	1	Quảng	3.7	5,0	4,5
30	2121180062	Đoàn Nguyễn Minh Quyền	28/05/2003	CCQ2118B	2	Quyền	6.7	4,5	5,4
31	2121180040	Lê Trung Tài	29/04/2003	CCQ2118B			4.0		
32	2122180056	Nguyễn Văn Tiến	6/9/2003	CCQ2218B	1	Tiến	7.7	6,0	6,7
33	2122180035	Phạm Đình Tiến	30/03/2004	CCQ2218B	1	Tiến	6.0	4,5	5,1
34	2121180013	Nguyễn Thành Tin	12/12/2003	CCQ2118A	1	Tin	6.7	4,0	5,1
35	2121180005	Nguyễn Văn Toàn	19/07/2003	CCQ2118A	1	Toàn	6.7	4,0	5,1
36	2121180012	Nguyễn Tấn Triện	20/06/2002	CCQ2118A	1	Triện	6.0	3,5	4,5
37	2121180029	Nguyễn Minh Trọng	9/10/2003	CCQ2118A	1	Trọng	3.7	5,0	4,5
38	2121180105	Lư Minh Trung	29/08/2003	CCQ2118C	1	Trung	5.0	3,0	3,8
39	2122180055	Nguyễn Tấn Trung	16/07/2004	CCQ2218B	1	Trung	7.8	6,3	6,9
40	2121180001	Đỗ Đan Trường	18/08/2003	CCQ2118A	1	Trường	7.7	4,5	5,8
41	2121180007	Đặng Bảo Tuấn	26/01/2003	CCQ2118A	1	Tuấn	6.3	3,5	4,6
42	2122180101	Lê Hoàng Tuấn	20/09/2004	CCQ2218D	1	Tuấn	4.0	4,5	4,3